**6.3. Services**

Use case List Service

-Hiển thị tất cả các Service đang ở trạng thái active ( nếu người dùng click vào checkbox In-actvie thì sẽ hiển thị cả các Service đang ở trạng thái Inactive)

-Lọc các Service theo “All”,”ABCDE”...

-Sắp xếp Service theo tên

-thay đổi trạng thái Service từ Inactive sang active

-copy a Service

Use case Add Service

-Tạo mới Service

-kiểm tra các trường

-thêm Service vào cơ sở dữ liệu

Use case Amend Service

-chỉnh sửa thông tin Service

-lưu vào cơ sở dữ liệu

Use case Mark In-active Service

-Thay đổi trạng thái của các service từ “Active” về “In-active” bằng 1 thông báo

-Nếu service đang được sử dụng bởi 1 Organisation hoặc 1 Premise, phải có thông báo về việc này khi thay đổi trạng thái

**USE CASE : Maintain Programme**

1. List Programme :
2. Liệt kê :

* Liệt kê tất cả các programme đang active
* Liệt kê tất cả các programme khi ấn vào nút “Include in-active”

1. Lọc :

* Lọc Programme theo tên : “All”, “0-9”, “ABCD”, …

1. Sắp xếp :

* Sắp xếp Programme khi click vào cột “Name”

1. Phân trang :

* Phân trang nếu như số lượng Programme là lớn (15programme/trang)
* Active 1 programme đang ở trạng thái In-active

1. Add Programme :

* Tạo mới 1 programme với các thông tin cần thiết
* Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin nhập vào trước khi save
* Đưa Programme mới vào trạng thái “Active” hoặc “In-active”

1. Amend Programme :

* Chỉnh sửa thông tin của 1 programme có thể 1 hoặc trên tất cả các trường
* Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin sau khi sửa trước khi save

1. Mark In-active Programme :

* Thay đổi trạng thái của các programme từ “Active” về “In-active” bằng 1 thông báo
* Nếu programme đang được sử dụng bởi 1 service, phải có thông báo về việc này khi thay đổi trạng thái
* thay đổi trạng thái